TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2017/DS-ST
Ngày: 29/12/2017
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Trần Thanh Khen**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Hồng Cẩm** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Phạm Chí H,** sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 18/2 ấp P, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

* Bi đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Chí H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1989 qua quen biết tìm hiểu nhau ông Phạm Chí H và bà Nguyễn Thị H đã tiến đến hôn nhân nhưng không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau và có 02 con chung. Thời gian chung sống hạnh phúc kéo dài đến khoảng năm 2002 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Ông H đã về nhà cha mẹ ruột sống và cả hai đã sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Nay ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà H không còn nữa do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Phạm Chí H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 30/10/1989 và Phạm Phú H, sinh ngày 24/5/1994. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn bảo lưu ý kiến của mình

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

Ông Phạm Chí H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của ông và bà Nguyễn Thị H. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị H.

* Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1989 qua quen biết tìm hiểu nhau ông Phạm Chí H và bà Nguyễn Thị H đã tiến đến hôn nhân nhưng không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau và có 02 con chung. Thời gian chung sống hạnh phúc kéo dài đến khoảng năm 2002 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Ông H đã về nhà cha mẹ ruột sống và cả hai đã sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Xét yêu cầu của ông Phạm Chí H, Hội đồng xét xử nhận định: Tình trạng hôn nhân của ông H và bà H là tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, ông H và bà H sống chung như vợ chồng từ năm 1989 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp, không được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông H và bà H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của

pháp luật nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Chí H và bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 30/10/1989 và Phạm Phú H, sinh ngày 24/5/1994. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

* Về án phí: Ông Phạm Chí H là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và các Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Chí H và bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 30/10/1989 và Phạm Phú H, sinh ngày 24/5/1994. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc ông Phạm Chí H nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0000956 ngày 09/10/2017 tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ông H không phải nộp thêm tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Thành